

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HS-ST

Ngày 14 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2018/TLHS-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh năm 1956 tại Hà Nam; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Đinh Thị N (đều đã chết); chồng: Đỗ Văn T, con: không có; Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Người bị hại: Đoàn Thị H1, sinh năm 1990. Nơi ĐKNKTT: 14/94 V T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, chỗ ở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn N, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Dương Thị Thanh H2, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 24/5/2018, Trần Thị H cùng chồng là Đỗ Văn T sau khi ăn sáng xong ngồi uống nước ở trong ngõ đường C, thành phố P. Sau đó H đi bộ một mình đến quán tạp hóa H2 thuộc tổ 4, phường M, thành phố P để mua đồ thì thấy chiếc xe mô tô BKS 18E1-181.70 của chị Đoàn Thị H1 đang dựng trước cửa hàng tạp hóa H2. H thấy ở trong hộc bên phải của chiếc xe gần ổ khóa điện có để 01 chiếc điện thoại di động, H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Quan sát thấy xung quanh không có người H tiến lại gần chiếc xe dùng tay trái lấy chiếc điện thoại sau đó đi bộ đến quán điện thoại của anh Nguyễn Văn N làm chủ trên đường T thuộc tổ 5, phường M, thành phố P bán cho anh N chiếc điện thoại trộm cắp của chị H1 với giá 2.000.000đ. Cùng lúc này chị H1 đang ở trong cửa hàng tạp hóa H2 đi ra lấy xe đi về thì không thấy chiếc điện thoại của mình đâu, chị H1 quay lại cửa hàng xem camera thì thấy có người phụ nữ lấy điện thoại của mình. Trần Thị H sau khi bán chiếc điện thoại của chị H1 quay lại cửa hàng H2 để mua đồ thì bị chị H1 nhận ra giữ lại và trình báo lực lượng công an phường M đến giải quyết sự việc.

Tạm giữ đồ vật, tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu xám vàng (do anh Nguyễn Văn N giao nộp); số tiền 2.000.000đ thu giữ của Trần Thị H (là tiền H bán chiếc điện thoại của chị H1 mà có).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 29/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P kết luận: “chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 (2016) màu xám vàng đã qua sử dụng giá còn 2.100.000đ”.

Tại bản cáo trạng số 118/CT-VKS-PL ngày 02/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố Trần Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điều 65 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Chị Đoàn Thị H1 trình bày: ngay khi phát hiện bị cáo H là người chiếm đoạt chiếc điện thoại chị đã yêu cầu bị cáo H giải quyết vụ việc nhưng bị cáo H không nhận dẫn đến chị phải trình báo công an giải quyết. Hiện nay chị đã nhận lại được chiếc điện thoại bị bị cáo H chiếm đoạt, chị không có yêu cầu bồi thường dân sự gì đối với bị cáo.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bản kết luận của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 15 phút ngày 24/5/2018 tại khu vực trước cửa hàng tạp hóa H2 thuộc tổ 4, phường Mi, thành phố P, Trần Thị H lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu xám vàng trị giá 2.100.000đ của chị Đoàn Thị H1 rồi đem bán chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại bán cho anh Nguyễn Văn N với giá 2.000.000đ. Cơ quan định giá tài sản kết luận chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt có giá trị 2.100.000đ, do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa bàn. Điều này gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc bảo quản tài sản của người dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, chỉ vì muốn trục lợi cho bản thân mà bất chấp cả luân thường đạo lý vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đã là người cao tuổi.

Khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Về nhân thân: bị cáo H là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo hiện tuổi đã cao, nhận thức pháp luật hạn chế, không có con chăm sóc nên xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy: bị cáo nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và đã cao tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục theo quy định tại Điều 65 BLHS về việc cho bị cáo hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

[4] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 (2016) là tài sản hợp pháp của chị Đoàn Thị 1ê, cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H1. Đối với số tiền 2.000.000đ đã thu giữ là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn N, cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho anh N là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: chị Đoàn Thị H1 đã nhận lại chiếc điện thoại và không có đề nghị gì về dân sự nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về các tình tiết khác của vụ án: Anh Nguyễn Văn N mua chiếc điện thoại của bị cáo nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh N.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện

các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Thị H cho UBND phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hà Nam;
- Viện KSND TP Phủ Lý;
- Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh